

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN
Bản án số: 12/2025/HS-ST
Ngày: 23/4/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Kim Phong;
Ông Nguyễn Công Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Đậu Xuân Hà và ông Vũ Văn Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2025/TLST-HS, ngày 19/3/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HS ngày 09/4/2025 đối với bị cáo:

Vũ Đình T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 11 tháng 02 năm 1966, tại: huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình T1 (đã chết) và bà Bùi Thị B, sinh năm 1935; vợ: Hoàng Thị D; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/12/2024 đến ngày 22/12/2024 thì được hủy bỏ và áp dụng cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hoàng Thị Á, sinh năm 1978, trú tại: Thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/12/2024, Công an tỉnh B tiếp nhận tin báo về tội phạm của quần chúng nhân dân, về việc Vũ Đình T có biểu hiện hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch

dân sự, đồng thời người báo tin cung cấp thông tin một số người vay lãi nặng với T gồm: Hoàng Thị Á, sinh năm 1978, trú tại thôn B, xã X, huyện C; Mã Thị K, sinh năm 1969, trú tại thôn B, xã X, huyện C; Tô Thị H, sinh năm 1986, trú tại thôn N, xã Đ, huyện C. Cùng ngày, Phòng C đã triệu tập những người vay tiến hành lấy lời khai. Kết quả, một số người vay khai nhận được vay tiền của T với lãi suất vượt quá quy định của pháp luật. Quá trình làm việc, T khai nhận bản thân hoạt động cho vay tiền dưới hình thức tín chấp thu lãi suất cao, trong đó có một số trường hợp T cho vay thu lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương đương với 182,5%/năm, gấp hơn 05 lần mức lãi suất tối đa cho phép theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, đồng thời Thái tự nguyện giao nộp một số hợp đồng cầm đồ ký kết với những người vay tiền và 02 điện thoại di động. Căn cứ tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với T, tại thôn Bản Mới, xã N, huyện C nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành kiểm tra tin nhắn hội thoại qua ứng dụng Zalo và kiểm tra giao dịch chuyển tiền trên điện thoại di động của bị cáo và những người vay, qua đó xác định: Khoảng cuối năm 2020, Vũ Đình T cho bà Hoàng Thị Á vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương với 1.800.000đ/tháng và 182,5%/năm. Bà Á đã trả cho T được tổng số tiền 16.500.000 đồng tiền lãi trong khoảng hơn 12 tháng. Đến ngày 07/11/2021 âm lịch (tức ngày 10/12/2021 dương lịch) bà Á đến nhà T để hỏi vay tiếp số tiền 12.000.000 đồng. T đồng ý cho bà Á vay tiền và yêu cầu bà Á viết giấy vay và ký tên xác nhận, sau khi bà Á viết giấy và đưa lại cho T, T lấy tiền 12.000.000 đồng đưa cho bà Á, thỏa thuận lãi suất 5000đ/1.000.000đ/ngày tương đương với 1.800.000đ/tháng và 182,5%/năm.

Đến ngày 27/12/2021 âm lịch (tức ngày 29/01/2022 dương lịch), Á trả cho T bằng tiền mặt được số tiền 20.000.000 đồng trừ vào nợ gốc của khoản vay 50.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc Á vay của T tính từ ngày 29/01/2022 dương lịch là 42.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5000đ/1.000.000đ/ngày tương đương với 6.300.000đ/tháng và 182,5%/năm. Từ tháng 02/2022 đến tháng 02/2023 (13 tháng), T thu của Á tổng số tiền lãi của món vay trên là 50.270.000 đồng, tức 3.866.923 đồng/tháng tương đương 110,5%/năm. Do bà Á trả được tiền lãi đều, mặc dù không đủ như thỏa thuận ban đầu nhưng T không yêu cầu Á phải trả thêm tiền lãi.

Tổng số tiền Vũ Đình T cho bà Hoàng Thị Á vay là 42.000.000 đồng với lãi suất là 110,5%/năm, cao gấp 5,525 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, đã thu tổng số tiền lãi là 50.270.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính được xác định là tổng số tiền lãi thu được trừ đi 20% của tổng số tiền gốc vay là 41.170.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo [Vũ Đình T](#) khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân như đã nêu ở trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án

Tại Bản cáo trạng số: 08/CT-VKSBK-P1 ngày 17/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố [Vũ Đình T](#) về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự (BLHS), điều luật có nội dung:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS. Phạt tiền bị cáo từ 50 đến 60 triệu đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Phạt bổ sung: Cấm bị cáo kinh doanh dịch vụ cầm đồ trong thời hạn từ 01 đến 02 năm. Chi [A](#) phải nộp lại ngân sách Nhà nước số tiền gốc của khoản vay là 42.000.000 đồng; bị cáo nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi suất 20% theo mức quy định là 9.100.000 đồng. Về vật chứng: Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại Iphone 11 của Thái; tạm giữ 01 điện thoại Iphone 6S của [T](#) và số tiền 5.000.000 đồng bị cáo nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. Bị cáo chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về

thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có căn cứ để khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2022 đến tháng 02/2023, [Vũ Đình T](#) đã cho [Hoàng Thị Á](#) vay số tiền là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng), với lãi suất là 110,5%/năm, cao gấp 5,525 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đã thu được tổng số tiền lãi là 50.270.000đ (Năm mươi triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng), thu lợi bất chính số tiền 41.170.000 đồng (Bốn mươi một triệu, một trăm bảy mươi nghìn) sau khi đã trừ đi 20% mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS. Việc cáo trạng truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật, đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế và hoạt động cho vay tín dụng, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Do đó, cần xử lý bị cáo theo quy định của BLHS mới đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã tự nguyện trả lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho người vay. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i và s khoản 1 Điều 51 BLHS, đó là “*Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”. Ngoài ra, bị cáo có chị gái là [Vũ Thị H1](#) hy sinh khi tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được phong tặng liệt sỹ và được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công. Do vậy, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Trên cơ sở xem xét toàn diện nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. HĐXX thấy rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, động cơ mục đích phạm tội là vì vụ lợi. Căn cứ nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính. Do đó, để đảm bảo tuân thủ nguyên tắc và nhằm thu hồi các khoản tiền vi phạm về cho Ngân sách Nhà nước, HĐXX thấy cần thiết áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ thường phát sinh tội phạm “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Động cơ mục đích phạm tội của bị cáo nhằm thu lợi bất chính. Do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung là cấm bị cáo kinh doanh dịch vụ cầm đồ trong thời hạn nhất định.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không đề nghị giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc của khoản vay, xác định đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước. Trong vụ án này, khoản tiền gốc người đi vay chưa trả cho bị cáo, do vậy cần buộc người đi vay phải có trách nhiệm nộp vào ngân sách Nhà nước. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính, bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền 41.170.000 đồng cho người đi vay. Người đi vay đã có văn bản xác nhận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét. Đối với khoản tiền lãi 20% theo quy định mà bị cáo đã thu là 9.100.000 đồng, cần buộc bị cáo có trách nhiệm nộp vào ngân sách Nhà nước, vì đây là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội.

[8] Về xử lý vật chứng:

8.1 Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus tạm giữ của [Vũ Đình T](#). Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, bị cáo không sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo;

8.2 Đối với 01 điện thoại di động Iphone 11 tạm giữ của [Vũ Đình T](#). Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, bị cáo sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc với người vay. Xét thấy cần tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước;

8.3 Số tiền 5.000.000 đồng bị cáo nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[9] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn: Xét thấy, các căn cứ, lập luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật, được chấp nhận.

[10] Các nội dung khác của vụ án:

10.1 Khoảng cuối năm 2020, [Vũ Đình T](#) cho bà [Hoàng Thị Á](#) vay số tiền 50.000.000 đồng. Đối với khoản vay này, mặc dù bị cáo đã cho bà [Á](#) vay tiền với lãi suất gấp hơn 05 lần mức lãi suất tối đa cho phép theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, số tiền thu lời bất chính của bị cáo ở lần cho vay này chưa đến 30.000.000 đồng. Tính từ thời điểm kết thúc món vay trên, đến khi Cơ quan điều tra phát hiện sự việc, dù chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét xử lý đối với bị cáo phù hợp.

Ngày 13/02/2023 âm lịch (tức ngày 04/3/2023 dương lịch), bà [Á](#) tiếp tục vay thêm của [T](#) số tiền 5.000.000 đồng, [T](#) cộng gộp các khoản được tổng số tiền gốc vay của [Á](#) bắt đầu tính từ ngày 04/3/2023 dương lịch là 47.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất vẫn như ban đầu là 182,5%/năm. Từ tháng 3/2023 đến tháng 02/2024, [Á](#) chuyển trả cho [T](#) tổng số tiền lãi của khoản vay 47.000.000 đồng là 18.000.000 đồng. Đến ngày 09/02/2024 âm lịch (tức ngày 18/3/2024 dương lịch), [Á](#) đến nhà [T](#) để thỏa thuận về khoản vay, sau khi tính toán số tiền lãi [Á](#) đã trả, [T](#) yêu cầu [Á](#) phải trả thêm 10.000.000 đồng tiền lãi của món vay 47.000.000 đồng trong thời gian từ 04/3/2023 đến 18/3/2024 dương lịch. Sau đó, [T](#) cho [Á](#) viết lại hợp đồng đề ngày 09/02/2024 (âm lịch) thể hiện nội dung Ánh vay của [T](#) số tiền 57.000.000 đồng để hợp thức hóa thỏa thuận trên. Đồng thời, [T](#) và [Á](#) thống nhất thỏa thuận từ ngày 09/02/2024 âm lịch trở đi sẽ không tính lãi của khoản vay 57.000.000 đồng nữa. Số tiền kể từ sau mốc thời gian này [Á](#) trả cho [T](#) sẽ trừ vào tiền gốc. Mặc dù thỏa thuận lãi suất ban đầu là 5000đ/1.000.000đ/ngày tương đương với 182,5%/năm. Tuy nhiên, sau khi bà [Á](#) không trả được lãi như đã thỏa thuận, [T](#) chỉ yêu cầu bà [Á](#) phải trả tiền gốc như trên, do đó không có căn cứ để xem xét xử lý [T](#) đối với khoản vay trên là phù hợp.

10.2 Qua các tài liệu thu thập được Cơ quan điều tra còn xác định: Ngoài số tiền cho vay trên bị cáo còn cho một số người vay nhưng không đủ căn cứ chứng minh việc cho vay thu lãi suất cao, nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý, cụ thể:

Khoảng năm 2017, bà [Mã Thị K](#), sinh năm 1969, trú tại [thôn B, xã X, huyện C](#) có vay của [Vũ Đình T](#) số tiền 30.000.000 đồng, với lãi suất là 7000đ/1.000.000đ/ngày, khoản vay tín chấp và không phải cầm cố tài sản. Sau đó, [T](#) yêu cầu bà [K](#) viết giấy vay tiền và đưa cho [T](#) giữ giấy vay tiền trên. Sau khi vay tiền khoảng vài tháng thì có khoảng 04 tháng bà [K](#) không trả được tiền lãi, các tháng còn lại mỗi tháng bà [K](#) trả cho [T](#) từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng tiền lãi, toàn bộ là tiền mặt và không có ai chứng kiến việc trả tiền lãi. Sau đó, [T](#) tính tiền các tháng bà [K](#) không trả lãi và cộng vào tiền gốc rồi yêu cầu bà [K](#) viết lại giấy vay gộp cả gốc lẫn lãi là 50.000.000 đồng, giấy vay cũ [T](#) đã hủy, việc thỏa thuận này cũng không có ai chứng kiến. Sau đó một thời gian, bà [K](#) đến nhà [Vũ Đình T](#) xin được trả

dần tiền gốc của món vay trên và không tiếp tục cộng dồn lãi nữa nhưng T không đồng ý và vẫn tính lãi của món 50.000.000 đồng bà K không trả được gộp vào tiền gốc thành món vay 90.000.000 đồng, T tiếp tục yêu cầu bà K viết lại giấy vay và hủy giấy vay cũ. Do bà K không có điều kiện để trả lãi như thỏa thuận ban đầu, nên một thời gian sau T đã tính lãi và gốc gộp lại là 120.000.000 đồng, lần gần nhất T tính toán lại tiền nợ và thông báo bà K nợ cả gốc lẫn lãi là 170.000.000 đồng, yêu cầu bà K viết lại giấy vay số tiền trên và hủy giấy vay cũ. Trong khoảng thời gian vay tiền của T, thì ngoài những lần trả tiền mặt trực tiếp, bà K có nhiều lần trả lãi qua tài khoản ngân hàng A của T. Các lần thỏa thuận trên chỉ có bà K và T, không có ai khác chứng kiến. Đến nay bà K chưa trả được tiền gốc. Qua điều tra T không thừa nhận sự việc như lời khai của bà K và khai nhận từ trước đến nay bà K có một số lần vay tiền của Vũ Đình T, trong đó lần gần nhất bà K vay 170.000.000 đồng. T khẳng định không có việc thu lãi suất của bà K với mức 7000đ/1.000.000đ/ngày và cộng dồn lãi vào tiền gốc như bà K trình bày. Việc bà K có chuyển tiền vào tài khoản của T là tiền bà K trả các khoản nợ trước đó hoặc trả dần tiền gốc của món vay 170.000.000 đồng. Kết quả đối chất giữa T và K, ngoài lời khai đã trình bày thì Khuyên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh sự việc trên. Do đó Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý T đối với khoản vay trên là có căn cứ;

Khoảng năm 2016, bà Tô Thị H, sinh năm 1986, trú tại thôn N, xã Đ, huyện C có vay của Vũ Đình T số tiền 30.000.000 đồng với thỏa thuận lãi suất là 5000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương với 4.500.000đ/tháng, có lập giấy tờ vay. Sau khi vay, hàng tháng bà H đều trả cho T khoảng 4.000.000 đồng tiền lãi, lúc thì T đến trường nơi bà H dạy học để thu tiền, khi thì bà H đến nhà T trả tiền mặt. Tuy nhiên, việc trả lãi không có người chứng kiến. Đến khoảng năm 2020, do bà H nợ tiền lãi của khoản vay trên nên T cộng gộp lãi vào tiền gốc thành món vay mới là 57.000.000 đồng, yêu cầu bà H viết giấy vay mới và hủy giấy vay cũ. Từ đó, bà H trả dần số tiền trên qua tài khoản của T hàng tháng, lần gần nhất T tính toán số nợ của bà H còn 40.000.000 đồng nên yêu cầu bà H viết lại giấy vay số tiền 40.000.000 đồng, hiện T đang giữ giấy vay trên. Các giấy vay cũ T đã tiêu hủy. Qua điều tra T không thừa nhận lời khai của bà H và khẳng định không có việc thu lãi suất của bà H với mức 5000đ/1.000.000đ/ngày và cộng dồn lãi vào tiền gốc như bà H trình bày. Việc bà H có chuyển tiền vào tài khoản của T là tiền trả các món vay của bà H, do đã lâu nên T không còn nhớ. Kết quả đối chất giữa T và H, ngoài lời khai đã trình bày thì bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ khác chứng minh sự việc trên, do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý T đối với khoản vay trên là phù hợp.

Ngoài ra, căn cứ các tài liệu thu thập được Cơ quan điều tra Công an tỉnh B xác định Vũ Đình T còn cho Bàn Văn T2, sinh năm 1974, trú tại thôn B, xã N, huyện C vay 95.000.000 đồng và anh Nguyễn Minh T3, sinh năm 1988, trú tại thôn B, xã N,

[huyện C](#) vay 44.000.000 đồng. Qua điều tra các khoản vay đối với [T2](#) và [T3](#), [T](#) không thu lãi suất, do đó không có vi phạm, nên không xem xét xử lý.

10.3 Đối với [Hoàng Thị D](#), sinh năm 1968, trú tại [thôn B, xã N, huyện C](#) (là vợ bị cáo): Qua điều tra xác định bà [D](#) không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên Cơ quan điều tra không xem xét là có căn cứ.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo [Vũ Đình T](#) phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Phạt tiền bị cáo [Vũ Đình T](#) 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Cấm bị cáo kinh doanh dịch vụ cầm đồ trong thời hạn 02 (Hai) năm, kể từ ngày Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

3. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự.

3.1. Buộc chị [Hoàng Thị Á](#) phải nộp lại ngân sách Nhà nước số tiền gốc của khoản vay là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng);

3.2. Buộc bị cáo [Vũ Đình T](#) nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi suất 20% theo mức quy định là 9.100.000đ (Chín triệu một trăm nghìn đồng).

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

4.1. Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax, màu xanh xám, số IMEI: 353905105757671, đã cũ qua sử dụng tạm giữ của [Vũ Đình T](#). Tịch thu, tiêu hủy đối với sim số 0973011118 gắn trong điện thoại;

4.2. Tạm giữ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, mặt sau màu hồng, có dòng chữ “25/9”, số IMEI: 353282078879753, gắn sim số 0395306548, đã cũ qua sử dụng tạm giữ của [Vũ Đình T](#), để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa [Công an tỉnh B](#) và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

4.3 Tạm giữ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) do bị cáo [Vũ Đình T](#) nộp theo biên lai số 0000273 ngày 14/02/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo [Vũ Đình T](#) phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Phòng Hình sự CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khánh Phương